

TỈNH ỦY ĐẮK LẮK  
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

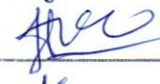
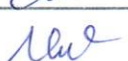
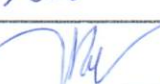
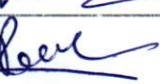
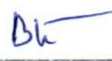
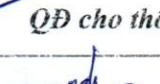
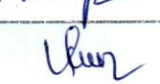
\*

**DANH SÁCH HỌC VIÊN LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ,  
HỆ KHÔNG TẬP TRUNG K7, TẠI HUYỆN CƯ M'GAR, KHÓA HỌC 2024 - 2026  
DỰ THI KẾT THÚC PHẦN HỌC**

**THI PHẦN C.III: MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI;**

Ngày thi: 31/5/2025; Thời gian làm bài: 180 phút;

Địa điểm: Trung tâm Chính trị huyện Cư M'gar.

| Sbd | Họ và tên             | Ngày sinh  | Số tờ                                        | Ký nộp bài                                                                          | Số phách | Điểm số | Điểm chữ      |
|-----|-----------------------|------------|----------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|----------|---------|---------------|
| 01  | Hoàng Thị Vân Anh     | 03/3/1991  | 03                                           |    | 44       | 72,5    | Kiểm, hai năm |
| 02  | Phạm Thị Ngọc Ánh     | 05/4/1977  | 02                                           |    | 54       | 70      | Kiểm          |
| 03  | Nguyễn Thị Phương Ánh | 06/01/1985 | 03                                           |    | 26       | 72,5    | Kiểm, hai năm |
| 04  | H'Bon Byă             | 05/5/1990  | 02                                           |    | 47       | 72,5    | Kiểm, hai năm |
| 05  | Nguyễn Thị Giang Châu | 17/6/1989  | 02                                           |   | 7        | 72,5    | Kiểm, hai năm |
| 06  | Cao Xuân Cúc          | 18/8/1981  | 02                                           |  | 14       | 70      | Kiểm          |
| 07  | Trần Thị Kim Cúc      | 20/10/1991 | 02                                           |  | 35       | 72,5    | Kiểm, hai năm |
| 08  | Nguyễn Văn Dư         | 28/6/1986  | 02                                           |  | 38       | 70      | Kiểm          |
| 09  | Huỳnh Văn Dự          | 28/11/1987 | 02                                           |  | 68       | 75      | Kiểm, năm     |
| 10  | Nguyễn Trung Dũng     | 28/02/1988 | 03                                           |  | 11       | 72,5    | Kiểm, hai năm |
| 11  | Phạm Đình Dũng        | 23/4/1984  | 02                                           |  | 59       | 75      | Kiểm, năm     |
| 12  | Hồ Thị Dương          | 05/5/1975  | 02                                           |  | 39       | 70      | Kiểm          |
| 13  | Huỳnh Thị Lệ Duyên    | 28/12/1980 | 02                                           |  | 48       | 70      | Kiểm          |
| 14  | H Bluer Êban          | 23/3/1989  | 02                                           |  | 56       | 72,5    | Kiểm, hai năm |
| 15  | H Len Êban            | 10/8/1988  | 02                                           |  | 69       | 72,5    | Kiểm, hai năm |
| 16  | Lê Thu Hà             | 21/5/1985  | 03                                           |  | 23       | 72,5    | Kiểm, hai năm |
| 17  | Trần Thị Hà           | 10/11/1981 | QĐ cho thôi học (QĐ số 348 - ngày 13/6/2024) |                                                                                     |          |         |               |
| 18  | Nguyễn Ngọc Hải       | 30/9/1981  | 03                                           |  | 24       | 72,5    | Kiểm, hai năm |
| 19  | Trương Thị Bích Hạnh  | 04/4/1980  | 03                                           |  | 50       | 75      | Kiểm, năm     |
| 20  | Hoàng Thị Hồng        | 23/10/1989 | 03                                           |  | 10       | 72,5    | Kiểm, hai năm |
| 21  | Phạm Thị Huệ          | 30/4/1985  | 02                                           |  | 12       | 75      | Kiểm, năm     |



| Sbd | Họ và tên        |        | Ngày sinh  | Số tờ | Ký nộp bài | Số phách | Điểm số | Điểm chữ     |
|-----|------------------|--------|------------|-------|------------|----------|---------|--------------|
| 22  | Phan Thị Mai     | Hương  | 15/9/1981  | 02    |            | 60       | 70      | Bảy          |
| 23  | Nguyễn Xuân      | Huyền  | 26/6/1975  | 03    |            | 32       | 75      | Bảy, năm     |
| 24  | H Liễu           | Hwing  | 14/4/1984  | 02    |            | 72       | 725     | Bảy, hai năm |
| 25  | H Phương Niê     | Kdăm   | 17/9/1989  | 02    |            | 78       | 725     | Bảy, hai năm |
| 26  | Bùi Đăng         | Khoa   | 20/8/1984  | 02    |            | 3        | 70      | Bảy          |
| 27  | Trần Đình Đăng   | Khoa   | 15/9/1986  | 02    |            | 62       | 70      | Bảy          |
| 28  | Y Sueng Buôn     | Krông  | 10/4/1986  | 02    |            | 37       | 725     | Bảy, hai năm |
| 29  | Đỗ Phú           | Linh   | 05/9/1981  | 03    |            | 46       | 80      | Tám          |
| 30  | Đinh Thị         | Loan   | 01/12/1990 | 02    |            | 13       | 725     | Bảy, bảy năm |
| 31  | Đặng Kiều        | Loan   | 01/02/1989 | 03    |            | 57       | 725     | Bảy, bảy năm |
| 32  | Nguyễn Tấn       | Lợi    | 09/8/1985  | 03    |            | 79       | 725     | Bảy, bảy năm |
| 33  | Võ Thị Thùy      | Lựu    | 31/12/1986 | 02    |            | 65       | 75      | Bảy, năm     |
| 34  | Phan Thị         | Lý     | 20/3/1984  | 02    |            | 49       | 725     | Bảy, hai năm |
| 35  | Nguyễn Thị       | Mai    | 10/12/1985 | 04    |            | 18       | 85      | Tám, năm     |
| 36  | Nguyễn Thị Thanh | Mai    | 19/12/1988 | 03    |            | 42       | 80      | Tám          |
| 37  | Trần Thị Thanh   | Mận    | 21/02/1983 | 03    |            | 15       | 80      | Tám          |
| 38  | H Bích           | Mlô    | 05/8/1985  | 02    |            | 2        | 725     | Bảy, hai năm |
| 39  | Nguyễn Hải       | Nam    | 01/10/1985 | 03    |            | 34       | 725     | Bảy, hai năm |
| 40  | Phạm Thị         | Nga    | 10/6/1982  | 03    |            | 51       | 725     | Bảy, bảy năm |
| 41  | Lê Ngọc          | Nghĩa  | 14/8/1980  | 02    |            | 68       | 725     | Bảy, hai năm |
| 42  | Nguyễn Thị Thanh | Nhàn   | 20/02/1989 | 03    |            | 52       | 80      | Tám          |
| 43  | Vũ Thị           | Nhung  | 05/8/1988  | 03    |            | 4        | 75      | Bảy, năm     |
| 44  | H'Lim            | Niê    | 06/8/1990  | 02    |            | 36       | 725     | Bảy, bảy năm |
| 45  | Y Blô            | Niê    | 21/01/1988 | 03    |            | 28       | 75      | Bảy, năm     |
| 46  | Y Tênh           | Niê    | 20/06/1986 | 02    |            | 70       | 70      | Bảy          |
| 47  | H' Nary          | Niê    | 10/5/1980  | 03    |            | 33       | 725     | Bảy, bảy năm |
| 48  | Phan Thị Bích    | Phượng | 29/01/1981 | 03    |            | 17       | 725     | Bảy, bảy năm |

| Sbd | Họ và tên              | Ngày sinh  | Số tờ | Ký nộp bài | Số phách | Điểm số | Điểm chữ    |
|-----|------------------------|------------|-------|------------|----------|---------|-------------|
| 49  | Nguyễn Thị Hoàng Quyên | 05/7/1987  | 03    |            | 40       | 80      | Tam         |
| 50  | Lê Thế Sơn             | 06/5/1985  | 03    |            | 74       | 785     | Bay hai năm |
| 51  | Lê Thị Thu Sương       | 20/4/1988  | 03    |            | 41       | 80      | Tam         |
| 52  | Nguyễn Thị Thu Sương   | 20/9/1981  | 02    |            | 71       | 785     | Bay hai năm |
| 53  | Trần Văn Tân           | 08/9/1983  | 02    |            | 75       | 710     | Bay         |
| 54  | Nguyễn Ngọc Thạch      | 26/7/1977  | 03    |            | 55       | 785     | Bay hai năm |
| 55  | Nguyễn Thị Thanh       | 15/01/1984 | 03    |            | 31       | 785     | Bay bay năm |
| 56  | Lê Hữu Thành           | 06/3/1985  | 02    |            | 20       | 785     | Bay hai năm |
| 57  | Đinh Thị Thảo          | 14/4/1990  | 03    |            | 6        | 785     | Bay bay năm |
| 58  | Nguyễn Thị Thảo        | 27/8/1987  | 03    |            | 21       | 80      | Tam         |
| 59  | Lê Tô Anh Thi          | 13/9/1981  | 03    |            | 16       | 785     | Bay hai năm |
| 60  | Ngô Thị Thơm           | 28/12/1980 | 03    |            | 53       | 80      | Tam         |
| 61  | Phạm Xuân Thống        | 01/01/1984 | 02    |            | 1        | 785     | Bay hai năm |
| 62  | Phan Thị Thu           | 03/4/1988  | 02    |            | 73       | 785     | Bay hai năm |
| 63  | Đậu Minh Thuận         | 11/6/1989  | 03    |            | 29       | 80      | Tam         |
| 64  | Đỗ Thị Như             | 27/4/1989  | 03    |            | 76       | 75      | Bay năm     |
| 65  | Trần Văn Thương        | 24/5/1977  | 03    |            | 66       | 885     | Tam hai năm |
| 66  | Bùi Văn Thường         | 24/9/1989  | 03    |            | 64       | 775     | Bay bay năm |
| 67  | Lê Thị Thúy            | 18/12/1990 | 03    |            | 27       | 775     | Bay bay năm |
| 68  | Phạm Thu Thủy          | 19/10/1988 | 02    |            | 58       | 75      | Bay năm     |
| 69  | Nguyễn Thị Tơ          | 14/10/1985 | 03    |            | 19       | 775     | Bay bay năm |
| 70  | Cao Thị Minh Trâm      | 23/05/1987 | 03    |            | 5        | 785     | Bay hai năm |
| 71  | Đỗ Thị Thanh Trang     | 02/11/1988 | 03    |            | 63       | 80      | Tam         |
| 72  | Hoàng Thị Đài Trang    | 05/7/1988  | 03    |            | 43       | 80      | Tam         |
| 73  | Võ Thị Trang           | 05/8/1986  | 03    |            | 61       | 75      | Bay năm     |
| 74  | Võ Thị Thu Trang       | 18/4/1987  | 03    |            | 8        | 775     | Bay bay năm |
| 75  | Nguyễn Trọng Tuấn      | 24/8/1981  | 03    |            | 22       | 775     | Bay bay năm |

| Sbd | Họ và tên         | Ngày sinh  | Số tờ | Ký nộp bài | Số phách | Điểm số | Điểm chữ |
|-----|-------------------|------------|-------|------------|----------|---------|----------|
| 76  | Hồ Ngọc Việt      | 02/02/1973 | 03    |            | 9        | 75      | Bay, năm |
| 77  | Phạm Văn Vinh     | 20/10/1984 | 02    |            | 45       | 75      | Bay, năm |
| 78  | Phan Thị Xuân     | 01/11/1986 | 03    |            | 25       | 75      | Bay, năm |
| 79  | Hoàng Thị Yêm     | 08/12/1984 | 03    |            | 77       | 75      | Bay, năm |
| 80  | Ninh Thị Hồng Yên | 21/10/1988 | 03    |            | 30       | 80      | Tam      |

Tổng số học viên theo danh sách:.....80.....học viên;

Số học viên không đủ điều kiện thi:.....01.....học viên (lý do.....)

Số học viên đủ điều kiện thi:.....79.....học viên;

Số học viên vắng thi:.....học viên; trong đó: có lý do:..... học viên; không có lý do:.....học viên;

Số bài thi hiện có:.....79.....bài/.....205.....tờ.

### CÁN BỘ COI THI 01

Lê Duyên Hà

Ngày...09...tháng...6.....năm 2025

NGƯỜI KIỂM TRA VÀO PHÁCH VÀ ĐIỂM

Trương Khoa

P. TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Thị Bích Hà



### CÁN BỘ COI THI 02

Đào Anh Dũng

Ngày...09...tháng...6.....năm 2025

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

Đoàn Thị Mai

TRƯỞNG PHÒNG QLĐT&NCKH

TS. Lê Duyên Hà

